

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

1 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Kinh Đô Miền Bắc là một doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000001 ngày 28 tháng 1 năm 2000 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên

Lĩnh vực kinh doanh: Chế biến thực phẩm

Ngành nghề kinh doanh:

* Ngành nghề kinh doanh của Công ty là : Sản xuất, chế biến thực phẩm, thực phẩm công nghệ cao và bán cao cấp các loại, mua bán lương thực, thực phẩm, mua bán rượu bia các loại, mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước.

Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Tổng số các công ty con

-Số lượng công ty con được hợp nhất : **01**

-Số lượng các công ty không được hợp nhất.Giải thích lý do và tên,địa chỉ trụ sở chính của công ty mẹ của nó đã lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất : **Không**

Danh sách công ty con được hợp nhất:

-Tên Công ty : **Công Ty Cổ phần Thương mại và Hợp tác Quốc Tế Hà nội**

-Địa chỉ :**534-536 Bạch Mai - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà nội**

-Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : **75,73%**

-Quyền biểu quyết của công ty mẹ : **75,73%**

Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU:

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/ QĐ/-BTC ngày 20/03/2006, và các qui định có liên quan.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ phần CBTP Kinh Đô Miền Bắc được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung do Bộ Tài Chính ban hành

Hình thức kế toán áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

Các chính sách kế toán áp dụng

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho : Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu .

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, Chi phí nhân công và Các Chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ Các Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

'- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nguyên tắc ghi nhận khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:**- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình)**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu(không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Chi phí đền bù giải phóng mặt	30 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	
- Máy móc, thiết bị	05 - 8 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Tài sản cố định thuê tài chính	7 năm
- Lợi thế thương mại	10 năm

Phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của công ty

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào công ty đồng kiểm soát:**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc

Sau đó, vào cuối mỗi năm tài chính khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau ngày đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần chế biến thực phẩm Kinh Đô miền Bắc, của các công ty liên kết và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa các công ty liên kết, công ty con và công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ đã được loại ra trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

- **Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:** các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:** các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- **Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất ,kinh doanh trong kỳ khi phát sinh

-**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:**

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- **Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

- **Chi phí khác**

- **Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

-Chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

-Chi phí nghiên cứu thị trường; tư vấn, thiết kế sản phẩm;

-Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

-Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

-Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, bảo trì phát sinh một lần quá lớn.

-Chi phí quảng cáo có giá trị lớn;

- **Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Đơn vị đã trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo thông tư 82/2003-TT-BTC ngày 14/08/2006

Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu
- Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu và chi phí phát hành.

-Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

-Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: Trong kỳ công ty không đánh giá lại tài sản

-Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do công ty sử dụng (VNĐ) được hạch toán theo tỉ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỉ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố.

Tất cả khoản chênh lệch tỉ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

-Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

A

-Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

-Doanh thu cung cấp dịch vụ

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

-Doanh thu hợp đồng xây dựng

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

CÔNG TY CP CBTP KINH ĐÔ MIỀN BẮC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

3 Tiền và các khoản tương đương tiền	<i>Cuối kỳ BC</i>
Tiền mặt	2,460,484,831
Tiền gửi ngân hàng	68,888,094,381
Tiền đang chuyển	-
Các khoản tương đương tiền	-
Tổng cộng	<u>71,348,579,212</u>
4 Hàng tồn kho	<i>Cuối kỳ BC</i>
- Hàng mua đang đi đường	-
- Nguyên liệu, vật liệu	43,002,018,069
- Công cụ, dụng cụ	1,697,629,967
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	491,132,403
- Thành phẩm	2,397,735,682
- Hàng hoá	11,122,019,514
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
Tổng cộng	<u>58,710,535,636</u>

CÔNG TY CP CBTP KINH ĐÔ MIỀN BẮC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

5.TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khỏan mục	Code	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ		58,326,700,000	183,327,559,585	8,392,025,524	4,558,540,942
Tăng trong năm		47,762,443,135	1,299,927,920	1,341,489,550	84,290,968
Trong đó:					
<i>Mua mới</i>			1,299,927,920	1,341,489,550	84,290,968
<i>Xây dựng mới</i>		47,762,443,135			
Giảm trong kỳ				351,494,604	
Trong đó:					
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		-	-	351,494,604	
<i>Điều chỉnh</i>					
Số dư cuối kỳ		106,089,143,135	184,627,487,505	9,382,020,470	4,642,831,910
Trong đó:					
<i>Đã khấu hao hết</i>					
Giá trị khấu hao					
Số dư đầu kỳ		18,077,526,537	51,576,151,201	3,611,373,936	3,318,263,635
Tăng trong kì		4,860,241,910	1,937,545,091	222,559,691	183,504,505
Giảm trong kì				(325,142,224)	
Trong đó:					
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>					
Số dư cuối kỳ		22,937,768,447	53,513,696,292	3,508,791,403	3,501,768,140
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ		40,249,173,463	131,751,408,384	4,780,651,588	1,240,277,307
Số dư cuối kỳ		83,151,374,688	131,113,791,213	5,873,229,067	1,141,063,770

CÔNG TY CP CBTP KINH ĐÔ MIỀN BẮC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khòan mục	Code	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ			23,523,130,293		
Tăng trong kì					
Trong đó:					
<i>Mua mới</i>					
<i>Xây dựng mới</i>					
Giảm trong kỳ					
Trong đó:					
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>					
Số dư cuối kỳ		-	23,523,130,293	-	-
Trong đó:					
<i>Đã khấu hao hết</i>					
Giá trị khấu hao					
Số dư đầu kỳ		-	19,359,713,089	-	-
Tăng trong kì			529,140,243		
Giảm trong kỳ					
Trong đó:					
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>					
<i>Điều chỉnh</i>					
Số dư cuối kỳ		-	19,888,853,332	-	-
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ		-	4,163,417,204	-	-
Số dư cuối kỳ		-	3,634,276,961	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khóa mục	Code	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ		6,098,654,060	1,000,000,000	7,996,276,950	15,094,931,010
Tăng trong năm					-
Trong đó:					-
<i>Mua mới</i>					-
<i>Xây dựng mới</i>					-
Giảm trong kỳ					-
Trong đó:					-
<i>Điều chỉnh</i>		-		-	-
Số dư cuối kỳ		6,098,654,060	1,000,000,000	7,996,276,950	15,094,931,010
Trong đó:					-
<i>Đã khấu hao hết</i>					-
					-
Giá trị khấu hao					-
Số dư đầu kỳ		900,152,706	566,666,644	1,476,835,125	2,943,654,475
Tăng trong năm		58,201,764	49,999,998	137,406,924	245,608,686
Giảm trong kỳ				125,000,000	125,000,000
Trong đó:					-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>					-
<i>Điều chỉnh</i>				125,000,000	
Số dư cuối kỳ		958,354,470	616,666,642	1,489,242,049	3,064,263,161
					-
Giá trị còn lại					-
					-
Số dư đầu kỳ		5,198,501,354	433,333,356	6,519,441,825	12,151,276,535

CÔNG TY CP CBTP KINH ĐÔ MIỀN BẮC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG, MUA SẴM TSCĐ DỠ DANG	<u>Cuối kỳ BC</u>
CP mua TSCĐ dở dang_DA Cracker	1,860,369,801
Chi phí giải phóng mặt bằng xây dựng nhà xưởng kem KIDOS	5,712,092,055
Tổng cộng	<u>7,572,461,856</u>
9 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	<u>Cuối kỳ BC</u>
Nguyên giá	
Số dư đầu kì	5,171,250,000
Tăng trong kì	
Giảm trong kì	
<i>Trong đó:</i>	
<i>Thanh lí</i>	
<i>Nhượng bán</i>	
Số dư cuối kì	5,171,250,000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Chưa sử dụng hết</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	
<i>Chờ thanh lí</i>	
Giá trị hao mòn	
Số dư đầu kì	2,086,287,489
Tăng trong kì	129,281,250
Giảm trong kì	
Số dư cuối kì	2,215,568,739
Giá trị còn lại	
Số đầu kì	3,084,962,511
Số cuối kì	2,955,681,261

CÔNG TY CP CBTP KINH ĐÔ MIỀN BẮC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ	<i>Cuối kỳ BC</i>
10.1 Đầu tư ngắn hạn	
Đầu tư cổ phiếu	24,353,154,464
Đầu tư trái phiếu	-
Đầu tư ngắn hạn khác	
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(15,903,717,464)
Tổng cộng	8,449,437,000
10.2 Đầu tư dài hạn	
Đầu tư vào công ty TRIBECO miền bắc	7,500,000,000
Đầu tư cổ phiếu	161,256,200,000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-
Tổng cộng	168,756,200,000
Cộng đầu tư	177,205,637,000
11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	<i>Cuối kỳ BC</i>
Số dư đầu kì	500,288,207
Tăng trong kì	
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kì	-141,827,797
Tổng cộng	358,460,410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

12 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	118,224,235,998
Vay dài hạn đến hạn trả	15,736,000,000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1,075,637,720
Tổng cộng	135,035,873,718

Công ty có các khoản vay ngân hàng ngắn hạn có số dư tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày ở bảng sau đây:

Vay ngắn hạn:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số dư cuối 31/12(VND)</i>	<i>Kỳ hạn và ngày đến hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	4,467,618,342	Ngày 22 tháng 08 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	2,786,706,271	Ngày 16 tháng 09 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	4,692,314,299	Ngày 30 tháng 09 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	2,484,680,986	Ngày 27 tháng 10 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	2,187,969,021	Ngày 27 tháng 10 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	5,871,671,596	Ngày 04 tháng 11 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	5,000,000,000	Ngày 18 tháng 11 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	4,022,295,832	Ngày 20 tháng 11 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	4,964,692,766	Ngày 28 tháng 11 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	5,000,000,000	Ngày 02 tháng 12 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	6,537,486,880	Ngày 04 tháng 12 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	10,000,000,000	Ngày 11 tháng 12 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	4,238,077,439	Ngày 11 tháng 12 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	10,000,000,000	Ngày 19 tháng 12 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng Ngoại thương Hải Dương	5,914,024,887	Ngày 19 tháng 12 năm 20	10.5%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng TMCP Liên Việt	2,932,940,949	Ngày 05 tháng 12 năm 20	11.1%/năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Liên Việt	5,000,000,000	Ngày 23 tháng 12 năm 20	11.1%/năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Liên Việt	2,406,755,579	Ngày 23 tháng 12 năm 20	11.1%/năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Liên Việt	2,391,368,714	Ngày 25 tháng 12 năm 20	11.1%/năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Liên Việt	1,443,845,770	Ngày 25 tháng 12 năm 20	11.1%/năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Liên Việt	5,881,786,667	Ngày 25 tháng 12 năm 20	11.1%/năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng HSBC	5,000,000,000	Ngày 19 tháng 09 năm 20	20.3%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng HSBC	5,000,000,000	Ngày 24 tháng 09 năm 20	20.33%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng HSBC	5,000,000,000	Ngày 24 tháng 11 năm 20	14.9%/năm	Hợp đồng vay tín chấp
Ngân hàng HSBC	5,000,000,000	Ngày 03 tháng 12 năm 20	15.2%/năm	Hợp đồng vay tín chấp

Tổng Cộng**118,224,235,998**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<u>Cuối kỳ BC</u>
Thuế GTGT	11,977,443,130
Thuế TNDN	213,718,205
Thuế TNCN	674,345,157
Các loại thuế khác	
Tổng cộng	<u><u>12,865,506,492</u></u>

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Cuối kỳ BC</u>
Trích thưởng trên KQKD cho thành viên HĐQT	409,209,000
Các khoản khác	12,648,429,691
Tổng cộng	<u><u>13,057,638,691</u></u>

15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Cuối kỳ BC</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	
Bảo hiểm xã hội	26,988,530
Bảo hiểm y tế	368,144,032
Kinh phí công đoàn	28,246,112
Doanh thu chưa thực hiện	27,427,689,091
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7,289,643,916
Tổng cộng	<u><u>35,140,711,681</u></u>

16 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>Cuối kỳ BC</u>
Vay dài hạn ngân hàng	20,935,250,000
Nợ dài hạn thuê tài chính	1,096,744,205
Phải trả dài hạn khác	
Tổng cộng	<u><u>22,031,994,205</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	<i>Vốn góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu ngân quỹ</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích của các cổ đông thiểu số</i>	<i>Tổng cộng</i>
Kì trước:							
Số dư đầu kì trước	100,797,850,000	55,766,941,000	(127,096,000)	4,374,449,240	109,183,842,147	171,666,300	270,167,652,687
Tăng vốn							-
Lợi nhuận tăng					13,445,533,135		13,445,533,135
Tăng khác						6,822,035	6,822,035
Giảm trong kì				(287,672,649)	(8,526,296,525)		(8,813,969,174)
Số dư cuối kì	100,797,850,000	55,766,941,000	(127,096,000)	4,086,776,591	114,103,078,757	178,488,335	274,806,038,683
Kì này:							-
Số dư đầu kì	100,797,850,000	55,766,941,000	(127,096,000)	4,086,776,591	114,103,078,757	178,488,335	274,806,038,683
Tăng vốn	22,169,470,000						22,169,470,000
Lợi nhuận tăng					3,804,390,916		3,804,390,916
Tăng khác				91,800,000		10,133,107	101,933,107
Giảm trong kì				(1,175,565,281)	(44,926,057,089)		(46,101,622,370)
Số dư cuối kì	122,967,320,000	55,766,941,000	(127,096,000)	3,003,011,310	72,981,412,584	188,621,442	254,780,210,336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU(tiếp theo)

17.2 Vốn cổ phần

Đơn vị tính: VND

<i>Cổ đông</i>	<i>Cuối kì</i>		<i>Đầu kì</i>	
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>%</i>	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>%</i>
Công ty TNHH Xây dựng và chế biến thực phẩm Kinh Đô	3,285,804	27%	2,939,184	29%
CITIGROUP GLOBAL MARKETS	601,101	5%	877,860	9%
Bà Lê Thị Hồng Anh	110,618	1%		
Bà Vương Ngọc Xiêm	691,391	6%	566,714	6%
Bà Vương Bửu Linh	691,391	6%	566,714	6%
JF VIETNAM OPPORTUNITIES FUN	485,630	4%	396,598	4%
KITMC Worldwide Vietnam RSP Bala	676,965	6%	382,200	4%
Bà Vương Bửu Dinh	96,425	1%	301,562	3%
Bà Vương Bửu Ngọc	123,503	1%		
Ông Trịnh Hiếu Từ	105,344	1%		
Ông Cô Gia Thọ	172,078	1%	141,047	1%
Ông Tiêu Đường	135,624	1%		
ông CHIANG CHIN TIEN	146,400	1%		
SGAM VIETNAM OPPORTUNITIES FUND	408,200	3%		
INTERNATIONAL OPPORTUNITIES FUND:	156,727	1%		
INDOCHINA CAPITAL VIETNAM HOLDINC	562,010	5%		
VIETNAM EMERGING EQUITIES FI	165,867	1%	271,502	3%
ARISAIG ASEAN FUND LTD	586,881	5%		
PCA INTERNATIONAL FUND SPC	611,244	5%		
PXP Viet Nam Fund Ltd	294,922	2%	241,740	2%
Bảo hiểm nhân thọ Prudential Viet Nam	213,410	2%	105,624	1%
ông Cao Ngọc Huy	104,866	1%	92,956	1%
Cổ đông thiểu số	1,870,331	15%	3,337,128	32%
Tổng cộng	12,296,732	100%	10,079,785	100%

17.3 Vốn cổ phần

KHOẢN MỤC

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VND**Cuối kỳ BC* *Đầu kỳ BC*

Vốn góp đầu kì	100,797,850,000	100,797,850,000
Vốn góp tăng trong kì	22,169,470,000	
Vốn góp giảm trong kì		
Vốn góp cuối kì	122,967,320,000	100,797,850,000

17.4 Cổ phiếu

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cuối kỳ BC</i>	<i>Đầu kỳ BC</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	12,296,732	10,079,785
Số lượng cổ phiếu đã được phép phát hành và góp vốn đầy	12,296,732	10,079,785
- Cổ phiếu thường	12,296,732	10,079,785
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,296,732	10,079,785
- Cổ phiếu thường	12,296,732	10,079,785
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

18 DOANG THU**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Đơn vị tính: VND****Kỳ Báo Cáo***

Tổng doanh thu	227,795,161,267
- Trong đó	
Doanh thu bán hàng	227,795,161,267
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1,144,605,357)
Hàng bán bị trả lại	(1,144,605,357)
 Doanh thu thuần	 226,650,555,910
- Trong đó	
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	226,650,555,910

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính***Kỳ Báo Cáo***

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	705,140,590
Lãi đầu tư cổ phiếu	1,304,842,658
Lãi chênh lệch tỉ giá	61,009,000
Tổng cộng	2,070,992,248

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN***Kỳ Báo Cáo***

- Giá vốn của hàng hoá đã bán	59,364,472,547
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	117,991,220,019
Tổng cộng	177,355,692,566

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH***Kỳ Báo Cáo***

Lãi tiền vay	6,667,825,596
Lỗ chênh lệch tỉ giá	285,824,059
Chi phí tài chính khác	10,057,520,763
 Tổng cộng	 17,011,170,418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

21 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u><i>Kỳ Báo Cáo</i></u>	
Thu nhập khác	8,294,822,501	
Thu thanh lý tài sản	116,310,182	
Thu bán vật tư, nguyên liệu	2,434,241,133	
Kiểm kê thừa	127,124,623	
Thu nhập khác	5,617,146,563	
Chi phí khác	4,361,011,078	
Chi phí thanh lý tài sản		
Giá vốn nguyên liệu xuất bán	1,878,222,589	
Chi phí khác	2,482,788,489	
GIÁ TRỊ THUẦN	3,933,811,423	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

22 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ*Đơn vị tính: VND*

	<i>Kỳ Báo Cáo</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94,962,669,885
Chi phí nhân công	15,740,984,751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11,345,936,601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20,813,955,174
Chi phí khác	11,389,938,504
Tổng cộng	154,253,484,915

23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<i>Kỳ Báo Cáo</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kì hiện hành	2,724,855,695
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kì trước	-
TỔNG CỘNG	2,724,855,695

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào phát sinh cho kì báo cáo

24 Phân chia lợi nhuận thuần:

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Kỳ Báo Cáo</i>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kì	114,103,078,757
Lợi nhuận sau thuế trong kì	3,811,168,070
Phân chia lợi nhuận trong kì:	(44,932,834,243)
<i>Bổ sung vốn kinh doanh</i>	(22,169,470,000)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi</i>	(16,129,000)
<i>Trích trả cổ tức kì trước</i>	(22,131,277,200)
<i>Trích trả cổ tức trong kì</i>	
<i>Trích thưởng cho Hội đồng quản trị</i>	(409,209,000)
<i>Các khoản giảm trừ, điều chỉnh khác từ lợi nhuận chưa phân phối trong kì</i>	(206,749,043)
Lợi nhuận chưa phân cuối kì	72,981,412,584

CÔNG TY CP CBTP KINH ĐÔ MIỀN BẮC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày tháng năm **2009**
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Lý

Lê Cao Thuận